TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 509 /2026/DS-PT
Ngày: 12-6- 2026

V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Vĩnh Hữu**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Mai Gia Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Đạm** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2026/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1009/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thành L,** sinh năm 1958 .

Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có mặt - theo Giấy ủy quyền ngày 19/6/2025)

Địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* **Huỳnh Thị Minh T**, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thành L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Trần Thị Kim P trình bày: Ông L có mở cửa hàng bán vật liệu xây dựng. Năm 2021, bà T có mua vật liệu xây dựng, đến ngày 21/5/2021, tổng kết bà T còn nợ số tiền 35.424.000đồng, có lập giấy nợ xác nhận của bà T. Ông L nhắc nhở nhiều lần nhưng bà T hứa hẹn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay, ông L yêu cầu bà T trả số tiền nợ mua bán là 35.424.000đồng và tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/5/2021 cho đến khi giải quyết xong (tạm tính đến ngày 21/6/2025 là 49 tháng, thành tiền là 28.813.881đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Minh T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2026/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp đã áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440, Điều 147 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn Nguyễn Thành L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

oTại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn có văn bản xin vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Xét yêu cầu kháng của nguyên đơn là có căn cứ, quá trình kháng cáo nguyên đơn đã chứng minh bằng văn bản xác nhận nợ của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo và đơn khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"* là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ 35.424.000đồng và tính lãi chậm trả theo qui định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm và không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Khi khởi kiện vụ án đòi bà T trả số tiền 35.424.000đồng và tính lãi chậm trả, thì Ông L chứng minh là tờ giấy được viết trên giấy tập học sinh. Căn cứ tờ giấy này thể hiện nội dung "*số tiền 35.424.000 Huỳnh Thị Minh T sinh 1974 tôi đồng ý nợ*" được viết hai màu mực và hai dạng chữ khác nhau và không được bà T điểm chỉ hoặc ký tên xác nhận. Cho nên, Tòa án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là đúng pháp luật.

[3.2] Quá trình kháng cáo bản án sơ thẩm thì ông L có cung cấp thêm chứng cứ mới là giấy xác nhận nợ của bà Huỳnh Thị Minh T với nội dung *"……..Tôi tên Huỳnh Thị Minh T…. Tôi xác nhận nợ ông Nguyễn Thành L, SN: 1958- ngụ tại :ấp T, xã L tỉnh Đồng Tháp số tiền: 35.424.000đ (bốn mươi lăm*

triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn). Tôi xin khi vụ án chia thừa kế gia đình tôi xong tôi sẽ trả đủ cho ông L." Cuối tờ giấy ghi ngày 31/01/2026 có ký tên và ghi họ tên Huỳnh Thị Minh T. Xét thấy, đây là tình tiết mới của vụ án được nguyên đơn chứng minh trong giai đoạn phúc thẩm. Bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào nội dung chứng cứ do ông Long cung C trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, đã có cơ sở xác định bà T còn nợ ông L số tiền mua vật xây dựng là 35.424.000đồng được bà T xác nhận vào ngày 31/01/2026 (bút lục số 41). Đối với số tiền nợ mua bán này, bà T chưa trả cho ông L, nên ông L yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 21/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/01/2026 (tương đương 55 tháng) với số tiền lãi phát sinh 16.171.000đồng là có căn cứ.

[4] Từ những căn cứ như trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông L là có căn cứ, được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 , Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thành L. Sửa bản dân sự sơ thẩm số 31/2026/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

Buộc Bà Huỳnh Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh L1 số tiền 35.424.000đồng và lãi phát sinh 16.171.000đồng, tổng cộng 51.595.000đồng. Thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Bà Huỳnh Thị Minh T phải chịu 2.579.700đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt